

Phụ lục 1
GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỂ THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hóa Thượng)
(Kèm theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Hỷ)

STT	DANH MỤC	KÝ HIỆU	Đơn giá (VNĐ/m²)
1	Các thửa đất tiếp giáp trực phụ đường Quốc lộ 1B cũ		
-	Thửa đất số 671, 672, 643, 682 tờ bản đồ số 22	ONT	3.600.000
2	Các thửa đất tiếp giáp nhánh thuộc trực phụ đường Quốc lộ 1B cũ		
-	Thửa đất số 826, 666, 794, 833, 834, 640, 324 tờ bản đồ số 24	ONT	3.500.000
3	Các thửa đất tiếp giáp ngách thuộc nhánh của trực phụ đường Quốc lộ 1B cũ		
-	Thửa đất số 820, tờ bản đồ số 24	ONT	3.400.000

Phụ lục 2
THÔNG TIN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT
Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hóa Thượng)
(Kèm theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Hỷ)

TT	Chủ sử dụng đất (Hộ gia đình/cá nhân)	Số CMND/Căn cước công dân	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi
1	Phạm Văn Hiếu	024099001918	Xóm Đồng Thịnh, xã Đồng Hỷ	Xóm Đồng Thái, xã Đồng Hỷ
2	Nguyễn Văn Hùng và Đoàn Thị Hiền	019070012318	Xóm Sơn Quang, xã Đồng Hỷ	Xóm Đồng Thái, xã Đồng Hỷ
3	Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Quang Khánh	019070012318	Xóm Sơn Quang, xã Đồng Hỷ	Xóm Đồng Thái, xã Đồng Hỷ
4	Dương Thị Phương	033180009485	Phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Xóm Đồng Thịnh, xã Đồng Hỷ
5	Nguyễn Trọng Thắng	019091000404	Xóm An Thái, xã Đồng Hỷ	Xóm Đồng Thịnh, xã Đồng Hỷ

Phụ lục 3
TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ VỀ ĐẤT CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hóa Thượng)

(Kèm theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Mỹ)

TT	Họ và tên	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Tính pháp lý về đất
1	Phạm Văn Hiếu	22	682	145,70	ONT	Đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ
		22	688	154,80	CLN	Đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ
2	Nguyễn Văn Hùng và Đoàn Thị Hiền	22	671	107,50	ONT	Đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ
3	Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Quang Khánh	22	687	157,80	CLN	Đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ
4	Dương Thị Phương	22	370	129,00	ONT	Đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ
5	Nguyễn Trọng Thắng	24	396	58,20	ONT	Đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ
	Tổng cộng			753,00		

Phụ lục 4
TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hòa Thượng)

(Kèm theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đông Mỹ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Các khoản bồi thường		Các khoản hỗ trợ		Thưởng bàn giao mặt bằng	Tổng cộng
		Đất ở	Đất nông nghiệp	Chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất		
1	Phạm Văn Hiếu	524.520.000	20.124.000			774.000	545.418.000
2	Nguyễn Văn Hùng và Đoàn Thị Hiền	387.000.000					387.000.000
3	Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Quang Khánh		20.514.000	29.824.200	1.578.000	789.000	52.705.200
4	Dương Thị Phượng	980.400.000					980.400.000
5	Nguyễn Trọng Thắng	419.040.000					419.040.000
	Tổng hợp	2.310.960.000	40.638.000	29.824.200	1.578.000	1.563.000	2.384.563.200

Phụ lục 5
PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG BẰNG ĐẤT Ở

Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hóa Thượng)

(Kèm theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Hy)

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m²)	Loại đất	Đơn giá	Thành tiền	Tổng tiền
1	Phạm Văn Hiếu			145,7				524.520.000
		22	682	145,7	ONT	3.600.000	524.520.000	
2	Nguyễn Văn Hùng và Đoàn Thị Hiền			107,5				387.000.000
		22	671	107,5	ONT	3.600.000	387.000.000	
3	Dương Thị Phượng			129,0				980.400.000
		22	370	129,0	ONT	7.600.000	980.400.000	
4	Nguyễn Trọng Thắng			58,2				419.040.000
		24	396	58,2	ONT	7.200.000	419.040.000	
	Tổng cộng			440,4			2.310.960.000	2.310.960.000

Phụ lục 6
PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP,
HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM, HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG
Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hóa Thượng)

(Kèm theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đông Hỷ)

TT	Họ và tên	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Bồi thường đất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nông nghiệp và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất		Thưởng bàn giao mặt bằng		Tổng tiền (đồng)
						Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
1	Phạm Văn Hiếu			154,80			20.124.000		-		-		774.000	20.898.000
		22	688	154,80	CLN	130.000	20.124.000					5.000	774.000	20.898.000
2	Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Quang Khánh			157,80			20.514.000		29.824.200		1.578.000		789.000	52.705.200
		22	687	157,80	CLN	130.000	20.514.000	189.000	29.824.200	10.000	1.578.000	5.000	789.000	52.705.200
	Tổng cộng			312,60			40.638.000		29.824.200		1.578.000		1.563.000	73.603.200